

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 04/2017/DS-ST

Ngày 25/10/2017

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng thế chấp tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Cương.

- Ông Nguyễn Thế Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 14/2017/TLST-DS ngày 03/8/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXXST-DS ngày 11/9/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2017/QĐST-DS ngày 29/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Trịnh Tiến L sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1971; địa chỉ số nhà 123, đường Lương Văn T, phố 9, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; bà H có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông L: Bà Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1971; địa chỉ số nhà 123, đường Lương Văn T, phố 9, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 29/5/2017); có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Đinh Ngọc A sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Tuyết N sinh năm 1981; địa chỉ khu phố 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/7/2017, được bổ sung tại bản tự khai ngày 25/9/2017 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà H trình bày: Ngày 27/12/2011 vợ chồng ông L và bà H có cho vợ chồng bà N và ông NA vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, vợ chồng bà N và ông NA có viết giấy vay tiền, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 03%/tháng, hằng tháng trả lãi đầy đủ. Vợ chồng bà N và ông NA có thế chấp cho vợ chồng ông L và bà H 01 xe ô tô Lexus GX460, biển kiểm soát 35A-xxxxx, đăng ký mang tên DNTN ANM; chiếc xe trên đã được thế chấp tại Ngân hàng dkTc chi nhánh Ninh Bình để vay số tiền 1.600.000.000 đồng, nhưng giá trị xe còn lại cao hơn giá trị mà DNTN ANM vay Ngân hàng dkTc, nên vợ chồng bà N và

ông NA tự nguyện mang sổ chứng nhận kiểm định của xe cầm cố lại và vay của vợ chồng ông L và bà H số tiền trên. Vợ chồng bà N và ông NA đã trả được số tiền lãi là 180.000.000 đồng; vợ chồng ông L và bà H đã đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng bà N và ông NA không trả nợ; hiện nay vợ chồng bà N và ông NA còn nợ của vợ chồng ông L và bà H số tiền vay chưa trả là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay 27/12/2011 đến ngày xét xử 25/10/2017 là 69 tháng 28 ngày, với mức lãi suất ông L và bà H yêu cầu vợ chồng bà N và ông NA phải trả là 01%/tháng, cụ thể “1.000.000.000 đồng x 1%/tháng x 69 tháng 28 ngày = 699.333.000 đồng”, trừ đi số tiền lãi đã trả là 180.000.000 đồng, số tiền lãi còn phải trả tính đến ngày 25/10/2017 là 519.333.000 đồng. Do vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà N và ông NA phải trả đủ số tiền vay và tiền lãi là 1.519.333.000 đồng ông L và bà H và buộc vợ chồng bà N và ông NA phải giao tài sản đã thế chấp là xe ô tô Toyota Lexus GX460, biển kiểm soát 35A-xxxxx cho vợ chồng ông L và bà H, để xử lý thu hồi nợ.

Tại bản tự khai của ông L ngày 25/9/2017 và tại phiên tòa bà H đại diện cho ông L trình bày: Ngày 27/12/2011 vợ chồng ông L và bà H có cho vợ chồng bà N và ông NA vay 1.000.000.000 đồng, vợ chồng bà N và ông NA có viết giấy vay tiền, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất vay là 03%/tháng. Vợ chồng bà N có thế chấp 01 xe ô tô Lexus biển kiểm soát 35A-xxxxx, đăng ký mang tên DNTN ANM; chiếc xe trên đã được thế chấp tại Ngân hàng dkTc chi nhánh Ninh Bình để vay số tiền 1.600.000.000 đồng, nhưng giá trị xe còn lại cao hơn giá trị mà DNTN ANM vay Ngân hàng dkTc, nên vợ chồng và Nhung và ông NA tự nguyện mang sổ chứng nhận kiểm định của xe cầm cố lại và vay của vợ chồng ông L và bà H số tiền trên và viết giấy mượn lại xe để đi lại. Vợ chồng bà N đã trả được 180.000.000 đồng tiền lãi; tính đến ngày 25/11/2017 vợ chồng bà N và ông NA còn nợ của vợ chồng ông L và bà H số tiền vay là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 519.333.000 đồng. Do vậy, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà N và ông NA phải trả đủ số tiền vay và tiền lãi cho vợ chồng ông L và bà H là 1.519.333.000 đồng và buộc vợ chồng bà N và ông NA phải giao tài sản đã thế chấp là xe ô tô Toyota Lexus GX460, biển kiểm soát 35A-xxxxx cho vợ chồng ông L và bà H, để xử lý thu hồi nợ.

Về phía bị đơn là vợ chồng bà N và ông NA: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần đều hợp lệ, nhưng vợ chồng bà N và ông NA đều vắng mặt nên không có lời khai của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng các Điều 342, 410, 471, 512 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử, buộc vợ chồng bà N và ông NA phải trả cho vợ chồng ông L và

bà H tổng số tiền vay và tiền lãi là 1.519.333.000 đồng và buộc vợ chồng bà N và ông NA phải nộp 57.580.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho vợ chồng ông L và bà H; bác yêu cầu của vợ chồng ông L và bà H về việc buộc vợ chồng bà N và ông NA phải giao tài sản đã thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 35A-xxxxx cho vợ chồng ông L và bà H, để xử lý thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

Vợ chồng ông L và bà H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với vợ chồng bà N và ông NA, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc khởi kiện của vợ chồng ông L và bà H là đúng pháp luật.

Tại giấy vay tiền ngày 27/12/2011, đơn đề nghị của bà H ngày 09/3/2015 có xác nhận của UBND thị trấn Y, biên bản xác minh ngày 08/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y thể hiện vợ chồng bà N và ông NA có địa chỉ tại khu phố 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa bị đơn là vợ chồng bà N và ông NA đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là vợ chồng bà N và ông NA.

Về quan hệ vay tài sản:

Theo chứng cứ do bà H cung cấp là giấy vay tiền đề ngày 27/12/2011 có chữ ký của bà N và ông NA, thể hiện ngày 27/12/2011 vợ chồng bà N và ông NA có vay của vợ chồng ông L và bà H số tiền là 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày vay; về lãi vay trong nội dung giấy vay tiền có ghi "... hàng tháng vợ chồng tôi sẽ trả lãi đầy đủ cho ông L và bà H...". Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định ngày 27/12/2011 vợ chồng bà N và ông NA có vay của vợ chồng ông L và bà H số tiền là 1.000.000.000 đồng và thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày vay, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất.

Về nghĩa vụ trả nợ:

Đối với tiền vay: Theo lời khai của vợ chồng ông L và bà H, vợ chồng ông L và bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà N và ông NA trả tiền vay cho vợ chồng ông L và bà H, nhưng đến nay vợ chồng bà N và ông NA không trả, nên đến nay vợ chồng bà N và ông NA vẫn còn nợ của vợ chồng ông L và bà H số tiền vay chưa trả là 1.000.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Theo lời khai của vợ chồng ông L và bà H, vợ chồng bà N và ông NA đã trả cho vợ chồng ông L và bà H số tiền lãi là 180.000.000 đồng. Do trong hợp đồng

các bên không ghi mức lãi suất, nên vợ chồng ông L và bà H yêu cầu vợ chồng bà N và ông NA phải trả lãi vay cho vợ chồng ông L và bà H là 01%/tháng và tiền lãi tính từ ngày vay 27/12/2011 đến ngày xét xử 25/10/2017 là 69 tháng 28 ngày (1.000.000.000 đồng x 01%/tháng x 69 tháng 28 ngày) = 699.333.000 đồng, được trừ vào số tiền lãi đã trả là 180.000.000 đồng, số tiền lãi còn phải trả là 519.333.000 đồng.

Tổng tiền vay và tiền lãi tính đến ngày 25/10/2017 vợ chồng bà N và ông NA phải trả cho vợ chồng ông L và bà H là 1.519.333.000 đồng. Do vợ chồng bà N và ông NA không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên tòa, để bảo vệ quyền lợi cho mình, nên vợ chồng bà N và ông NA tự chịu trách nhiệm về việc không chứng minh cho quyền lợi của mình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L và bà H, buộc vợ chồng bà N và ông NA phải cho vợ chồng ông L và bà H số tiền vay là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 519.333.000 đồng.

Về thế chấp tài sản:

Theo nội dung của giấy vay tiền ngày 27/12/2011 và bản sao hợp đồng cho mượn xe ngày 27/12/2011, có ghi "... vợ chồng tôi cùng nhau thống nhất đồng ý thế chấp chiếc xe ô tô 7 chỗ ngồi mang biển số 35A-00258 mang tên DNTN ANM cho ông L và bà H cùng giấy tờ kèm theo để làm tin, 01 sổ kiểm định, 01 giấy của Ngân hàng thay đăng ký. Chiếc xe nói trên hiện tại vợ chồng tôi đang thế chấp tại Ngân hàng chi nhánh dầu khí Ninh Bình...".

Tại Công văn số 29/2017/NBI ngày 30/8/2017 và các chứng cứ của Ngân hàng TMTNHH-MTV DkTc chi nhánh Ninh Bình cung cấp gồm "Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/6/2011; giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/6/2011; hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay; hợp đồng tín dụng số 7078/GPD-NB/2011/HĐ ngày 15/6/2011", thể hiện, chiếc xe ô tô Lexus GX460, biển kiểm soát 35A-xxxxx đăng ký mang tên DNTN ANM, giá trị tài sản là 3.000.000.000 đồng, DNTN ANM đã thế chấp cho Ngân hàng TMTNHH-MTV DkTc chi nhánh Ninh Bình vào ngày 15/6/2011, để vay 2.000.000.000 đồng và lãi phát sinh trong hợp đồng.

Chiếc xe ô tô Lexus GX460, biển kiểm soát 35A-xxxxx mà vợ chồng bà N và ông NA thế chấp cho vợ chồng ông L và bà H để vay tiền là tài sản của DNTN ANM và chiếc xe ô tô này DNTN ANM đã thế chấp cho Ngân hàng TMTNHH-MTV DkTc chi nhánh Ninh Bình để vay tiền, do vậy việc thế chấp tài sản giữa vợ chồng bà N và ông NA với vợ chồng ông L và bà H là trái pháp luật nên bị vô hiệu, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Vì vậy, bác yêu cầu của vợ chồng ông L và bà H về việc yêu cầu vợ chồng bà N và ông NA phải giao tài sản đã thế chấp là xe ô tô Lexus GX460, biển kiểm soát 35A-xxxxx cho vợ chồng ông L và bà H, để xử lý thu hồi nợ và buộc vợ chồng ông L và bà H phải hoàn trả cho bà N giấy tờ đã nhận là sổ chứng nhận kiểm định của xe ô tô Lexus GX460, biển kiểm soát 35A-xxxxx.

Về án phí: Vợ chồng bà N và ông NA phải trả cho vợ chồng ông L và bà H tổng số tiền là 1.519.333.000 đồng nên phải chịu 57.580.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng các Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L và bà H, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Đinh Ngọc A phải trả cho vợ chồng ông Trịnh Tiến L và bà Nguyễn Thị Thu H, số tiền như sau:

- Tiền vay là: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng chẵn).
- Tiền lãi là: 519.333.000 đồng (năm trăm mười chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày vợ chồng ông L bà H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền vợ chồng bà N và ông NA phải trả cho vợ chồng ông L bà H, cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng vợ chồng bà N và ông NA còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Bác yêu cầu của vợ chồng ông Trịnh Tiến L và bà Nguyễn Thị Thu H về việc buộc vợ chồng bà N và ông NA phải giao tài sản đã thế chấp là xe ô tô Lexus GX460, biển kiểm soát 35A-xxxxxx cho vợ chồng ông L và bà H, để xử lý thu hồi nợ.

2.3. Buộc vợ chồng ông Trịnh Tiến L và bà Nguyễn Thị Thu H phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N giấy tờ đã nhận là sổ chứng nhận kiểm định của xe ô tô Lexus GX460, biển kiểm soát 35A-xxxxxx .

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Đinh Ngọc A phải nộp 57.580.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 30.150.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001709 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực